

<p>- Yêu cầu HS suy nghĩ và nêu kết quả. Nhận xét Bài 2 -Gọi 2 HS lên bảng làm bài, các HS khác làm vào vở</p> <p>-Hỏi HS về cách đặt tính và thực hiện phép tính $6 + 4, 7 + 6$</p> <p>Bài 3 -Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì ? Viết lên bảng câu đầu tiên và hỏi : Số nào có thể điền vào ô trống ? Vì sao ? -Yêu cầu HS làm tiếp bài tập. -Yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. Bài 4.</p> <p>Bài 5. >;<;= ? -GV hướng dẫn và yêu cầu HS làm bài</p> <p>- Nhận xét</p> <p>Hoạt động 4: Củng cố: Gọi HS lập lại các công thức và ĐTL các công thức 6 cộng với một số? Nhận xét tiết học</p>	<p>$6+6=12$ $6+7=13$ $6+8=14$ $6+9=15$ $6+0=6$ $7+6=13$ $8+6=14$ $9+6=15$</p> <p>- Làm bài</p> $\begin{array}{r} 6 \\ + 4 \\ \hline 10 \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 5 \\ \hline 11 \end{array} \quad \begin{array}{r} 6 \\ + 8 \\ \hline 14 \end{array} \quad \begin{array}{r} 7 \\ + 6 \\ \hline 13 \end{array} \quad \begin{array}{r} 9 \\ + 6 \\ \hline 15 \end{array}$ <p>- Trả lời.</p> <p>- Điền số - Hs trả lời và làm bài. $6 + 5 = 11$ $6 + 6 = 12$ $6 + 7 = 13$</p> <p>-Nhận xét bài của bạn. - Có 6 điểm trong hình tròn. - Có 9 điểm ngoài hình tròn. - Tất cả có 15 điểm. -HS làm bài</p> <p>$7 + 6 = 6 + 7$ $6 + 9 - 5 < 11$ $8 + 8 > 7 + 8$ $8 + 6 - 10 > 3$</p>
---	--

Tiết 35: 26 + 5

I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Biết thực hiện phép cộng dạng $26 + 5$ (cộng có nhớ dưới dạng tính viết).
- Củng cố giải toán đơn vị về nhiều hơn và cách đo đoạn thẳng.

2. Kỹ năng :

- Rèn kỹ năng giải toán về nhiều hơn, đo đoạn thẳng đúng, nhanh.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

Giáo viên : Que tính, bảng cài. Viết bài 2 – 4.

Học sinh : Sách toán, vở BT, bảng con, nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p>2. <u>Dạy bài mới</u>:</p> <p><u>Hoạt động 1</u>: Giới thiệu bài.</p> <p><u>Nêu bài toán</u> : Có 26 que tính, thêm 5 que tính nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính ?</p> <p>-Để biết có tất cả bao nhiêu que tính ta làm như thế nào ?</p> <p>-Yêu cầu HS sử dụng que tính tìm kết quả.</p> <p><u>Gợi ý</u> :</p> <p>-26 que tính thêm 5 que tính là mấy que tính ?</p> <p>-Em đặt tính như thế nào ?</p> <p>-Em thực hiện phép tính như thế nào?</p>	<p>-26 + 5</p> <p>-Nghe và phân tích.</p> <p>-Thực hiện phép cộng 26 + 5</p> <p>-Thao tác trên que tính.</p> <p>-1 em lên bảng thực hiện.</p> <p>-Là 31 que tính.</p> <p>-1 em lên bảng đặt tính và nói.</p> <p>-Lớp đặt tính vào nháp.</p> <p>-Viết 26 rồi viết 5 xuống dưới thẳng cột với 6. Viết dấu + rồi gạch ngang.</p> <p>-Thực hiện phép tính từ phải sang trái</p> $\begin{array}{r} 26 \\ + 5 \\ \hline 31 \end{array}$ <p>*6 cộng 5 bằng 11 viết 1 nhớ 1</p> <p>*2 thêm 1 là 3 viết 3 vào cột chục.</p> <p>-Vậy 26 + 5 = 31.</p> <p>-Nhiều em nhắc lại.</p>
<p><u>Hoạt động 2</u> : Làm bài tập.</p> <p><u>Bài 1</u>: Tính</p> $\begin{array}{r} 16 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 36 \\ + 6 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 46 \\ + 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 56 \\ + 8 \\ \hline \end{array}$ <p><u>Bài 2</u>: Số ?</p> <p>-Xác định đề toán : thực hiện liên tiếp các phép cộng.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài</p> <p>-Giáo viên chính xác lại kết quả.</p>	<p>- HS làm bài</p> <p>- Lớp nhận xét</p> <p>- HS đọc đề bài</p> $10 + 6 + 6 + 6 + 6 = 34$

<p>-Nhận xét. Bài 3:Gọi 1 HS đọc đề bài -Bài toán thuộc dạng nào ?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài</p> <p>Nhận xét. Bài 4: Giáo viên vẽ hình.</p> <p>-Khi đã đo được độ dài AB, BC không cần đo thì AC dài bao nhiêu ?</p> <p>Nhận xét 3.Củng cố: - Nêu cách đặt tính và thực hiện $26 + 5$ -Nhận xét tiết học.</p>	<p>-1 em đọc đề -Bài toán thuộc dạng toán nhiều hơn - HS làm bài</p> <p>Tóm tắt. Tháng trước : 16 điểm mười. Tháng này : 5 điểm mười Cả hai tháng : ...điểmmười?</p> <p>Giải. Tháng này tổ em đạt được: $16 + 5 = 21$ (điểm mười) <u>Đáp số:</u> 21 điểm mười.</p> <p>-Sử dụng thước đo và báo cáo kết quả AB: 6cm, BC: 5cm, AC: -Độ dài AC = AB + BC và bằng $6 + 5 = 11$ (cm)</p> <p>1 em nêu .</p>
---	---

TUẦN 8

Tiết 36: $36 + 15$

I/ MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100, dạng $36 + 15$.
- Biết giải bài toán theo hình vẽ bằng một phép tính cộng có nhớ trong phạm vi 100.

2.Kĩ năng : Rèn đặt tính đúng, tính nhanh, chính xác.

3.Thái độ : Thích học toán.

II/ CHUẨN BỊ :

- Giáo viên :51 Que tính, bảng cài.
- Học sinh : Sách toán, 51 que tính, bảng con, nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ</u> :</p> <p>Viết lên bảng: Đặt tính và tính: $46+6=$ $36+7=$ $48+6=$ $26+8=$ -Nhận xét</p> <p><u>Hoạt động 2:Phép cộng 36 + 15:</u></p> <p><u>a/ Giới thiệu bài</u> : Có 36 que tính, thêm 15 que tính nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính? -Để biết có tất cả bao nhiêu que tính ta làm như thế nào ?</p> <p><u>b/ Tìm kết quả</u> :</p> <p>-Yêu cầu học sinh sử dụng que tính. - Có tất cả bao nhiêu que tính ? Vậy $36 + 15 = ?$</p> <p><u>c/ Đặt tính và tính:</u></p> <p>-Em đặt tính như thế nào ?</p> <p>-Nêu cách thực hiện phép tính ?</p> <p><u>Hoạt động 3</u> : Luyện tập. <u>Bài 1</u> - Khi tính em cộng từ đâu sang đâu? -Gọi 2 em lên bảng</p>	<p>-4 em lên bảng nêu cách đặt tính và tính. Lớp làm bảng con.</p> <p>-Nghe và phân tích đề toán.</p> <p>-Thực hiện phép cộng $36 + 15$.</p> <p>-Thao tác trên que tính. -51 que tính. -Bằng 51. -1 em lên bảng đặt tính. Lớp làm nháp.</p> $\begin{array}{r} 36 \\ + 15 \\ \hline 51 \end{array}$ <p>-Viết 36 rồi viết 15 dưới 36 sao cho 1 thẳng cột với 3, 5 thẳng cột với 6. Viết dấu + và kẻ gạch ngang. -Tính từ phải sang trái : $6 + 5 = 11$, viết 1 nhớ 1, $3 + 1 = 4$ thêm 1 bằng 5 viết 5. Vậy $36 + 15 = 51$. -3 em nhắc lại.</p> <p>- Cộng từ phải sang trái. -2 em lên bảng. HS làm bài vào vở.</p> $\begin{array}{r} 16 \\ + 29 \\ \hline 45 \end{array} \quad \begin{array}{r} 26 \\ + 38 \\ \hline 64 \end{array} \quad \begin{array}{r} 36 \\ + 47 \\ \hline 83 \end{array} \quad \begin{array}{r} 46 \\ + 36 \\ \hline 82 \end{array} \quad \begin{array}{r} 56 \\ + 25 \\ \hline 81 \end{array}$

- Nhận xét

Bài 2:

-Gọi 1 HS đọc đề bài:

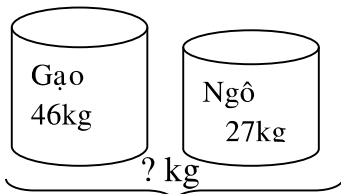
- Bài tập yêu cầu gì?

- Muốn tính tổng các số hạng đã biết ta làm gì?

-Gọi 2 em lên bảng

- Nhận xét

Bài 3: HDHS quan sát hình



- Bài toán yêu cầu chúng ta làm gì?

-Gọi 1 HS đọc đề bài.

Nhận xét.

Bài 4.

- Gọi HS đọc đề bài

- Yêu cầu HS suy nghĩ và làm bài

$$\begin{array}{r} + 44 \\ + 37 \\ \hline 81 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 38 \\ + 56 \\ \hline 94 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 39 \\ + 16 \\ \hline 55 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 36 \\ + 24 \\ \hline 60 \end{array} \quad \begin{array}{r} + 17 \\ + 16 \\ \hline 33 \end{array}$$

- Đặt tính rồi tính tổng.

- Làm tính cộng.

$$\begin{array}{r} a \quad + 36 \\ \quad + 18 \\ \hline \quad 54 \end{array} \quad \begin{array}{r} b \quad + 24 \\ \quad + 19 \\ \hline \quad 43 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} c \quad + 35 \\ \quad + 26 \\ \hline \quad 61 \end{array}$$

- Tính bao gạo và bao ngô nặng bao nhiêu kg?

VD: Bao gạo nặng 46 ki lô gam, bao ngô nặng 27 ki lô gam. Hỏi cả hai bao nặng bao nhiêu ki lô gam?

-Giải vào vở.

Bài giải:

Cả hai bao cân nặng là:

$$46 + 27 = 73 \text{ (kg)}$$

Đáp số : 73 kg

- Quả bóng nào ghi phép tính có kết quả là 45 ?

Những quả bóng có kết quả 45 là:

$$40 + 5 \quad 18 + 27 \quad 36 + 9$$

<p>-Nhận xét. <u>Hoạt động 4: Củng cố :</u> - Nêu cách đặt tính và thực hiện $36 + 15$? - Nhận xét giờ học</p>	<p>1 em nêu: Đặt tính: viết thẳng cột.. Tính: cộng từ phải sang trái.</p>
---	--

Tiết 37: Luyện tập

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức:- Thuộc bảng 6, 7, 8,9 cộng với một số.
2. Kỹ năng :
 - Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100.
 - Biết giải bài toán về nhiều hơn cho dưới dạng sơ đồ.
 - Biết nhận dạng hình tam giác.
- 3.Thái độ:Phát triển tư duy toán học

II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Viết bài 5(a) lên bảng

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: Luyện tập :</u> <u>Bài 1 : - Bài toán yêu cầu làm gì?</u> -Yêu cầu hs nhắm và nối tiếp nhau đọc ngay kết quả của từng phép tính.</p>	<p>Tính nhẩm - Hs làm bài miệng $6+5=11$ $6+6=12$ $6+7=13$</p>

- Nhận xét

Bài 2 :

- Gọi 1 hs đọc đề bài.
 - Đề tìm tổng ta làm thế nào?
 - Yêu cầu hs làm bài vào vở.
- Gọi 2 hs lên bảng làm bài.

- Gọi 2 hs nhận xét bài 2 bạn trên bảng.
- Yêu cầu hs kiểm tra bài làm của mình.
- Yêu cầu 2 hs lên bảng lần lượt nêu cách thực hiện phép tính : $26 + 9$; $15 + 36$.
- Nhận xét

Bài 3 :

- Yêu cầu 1 hs nêu đề bài.
- Dựa vào tóm tắt hãy nói rõ bài toán cho biết gì ?

- Bài toán hỏi gì ?
- Hãy đọc đề bài dựa vào tóm tắt.

- Yêu cầu hs tự làm bài, 1 hs làm bài trên bảng lớp.

-Nhận xét hs.

Bài 4:Vẽ hình lên bảng:

1

$$\begin{array}{lll} 5+6=11 & 6+10=16 & 7+6=13 \\ 8+6=14 & 9+6=15 & 6+4=10 \\ 6+8=14 & 6+9=15 & 4+6=10 \end{array}$$

- Viết số hạng thích hợp vào ô trống.
- Cộng các số hạng đã biết với nhau.

- Hs làm bài

Số hạng	26	17	38	26	15
Số hạng	5	36	16	9	36
Tổng	31	53	54	37	51

- Nhận xét bài bạn

- 2 HS nêu


- Giải bài toán theo tóm tắt.
- Bài toán cho biết đội 1 trồng được 46 cây, đội 2 trồng được nhiều hơn đội 15 cây.
- Bài toán hỏi số cây của đội 2 trồng .
- VD: Đội một trồng được 46 cây, đội 2 trồng được nhiều hơn đội 1 5 cây. Hỏi đội 2 trồng được bao nhiêu cây ?

Bài giải:

Số cây đội 2 trồng được là:

$$46 + 5 = 51 \text{ (cây)}$$

Đáp số : 51 cây

	
<p>Đánh số 1, 2, 3.</p> <p>a) Có mấy hình tam giác? - Đó là những hình nào? * Có mấy hình tứ giác?</p> <p>Nhận xét, <u>Hoạt động 2: Củng cố – dặn dò :</u></p> <p>- Gọi 1 Hs đọc thuộc các công thức 6 cộng với một số. - Nhắc lại cách đặt tính dạng $26+5$; $36+15$.</p>	<p>- 3 hình H1, H3, H1+H2+H3 - H1, H3, H1+H2+H3 *Có 2 hình tứ giác : H2, H2+H3</p> <p>-HS thực hiện</p>

Tiết 38: BẢNG CỘNG

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Thuộc bảng cộng đã học.
- Biết thực hiện phép cộng có nhớ trong phạm vi 100.

2. Kỹ năng :

- Biết giải bài toán về nhiều hơn.

3 . Thái độ : HS yêu thích môn toán

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS																												
<p><u>Hoạt động 1: Bài tập</u></p> <p><u>Bài 1: Tính nhẩm:</u></p> <p>a) Yêu cầu HS nhẩm và đọc kết quả, GV ghi bảng.</p>	<p>- HS đọc đề bài và làm vào vở</p> <table border="1" style="width: 100%; text-align: center;"> <tr> <td>$9+2=11$</td> <td>$8+3=11$</td> <td>$7+4=11$</td> <td>$6+5=11$</td> </tr> <tr> <td>$9+3=12$</td> <td>$8+4=12$</td> <td>$7+5=12$</td> <td>$6+6=12$</td> </tr> <tr> <td>$9+4=13$</td> <td>$8+5=13$</td> <td>$7+6=13$</td> <td></td> </tr> <tr> <td>$9+5=14$</td> <td>$8+6=14$</td> <td>$7+7=14$</td> <td></td> </tr> <tr> <td>$9+6=15$</td> <td>$8+7=15$</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>$9+7=16$</td> <td>$8+8=16$</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>$9+8=17$</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table>	$9+2=11$	$8+3=11$	$7+4=11$	$6+5=11$	$9+3=12$	$8+4=12$	$7+5=12$	$6+6=12$	$9+4=13$	$8+5=13$	$7+6=13$		$9+5=14$	$8+6=14$	$7+7=14$		$9+6=15$	$8+7=15$			$9+7=16$	$8+8=16$			$9+8=17$			
$9+2=11$	$8+3=11$	$7+4=11$	$6+5=11$																										
$9+3=12$	$8+4=12$	$7+5=12$	$6+6=12$																										
$9+4=13$	$8+5=13$	$7+6=13$																											
$9+5=14$	$8+6=14$	$7+7=14$																											
$9+6=15$	$8+7=15$																												
$9+7=16$	$8+8=16$																												
$9+8=17$																													

<p><u>Nêu:</u> Bảng vừa lập gọi là bảng cộng.</p> <p>b) Gọi 2 HS lên điền kết quả.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 2:</u> Gọi HS đọc đề bài Yêu cầu HS tự làm bài</p> <p>-Nhận xét Yêu cầu 2 HS nêu cách tính $15+9$; $26+17$. -Nhận xét</p> <p><u>Bài 3:</u> Gọi 1 Hs đọc đề bài. - Bài toán cho biết gì?</p> <p>- Bài toán hỏi gì? Nặng hơn: có nghĩa nhiều hơn. - Bài toán thuộc dạng nào? - Yêu cầu HS làm bài</p> <p><u>Tóm tắt:</u> Hoa nặng : 28kg Mai nặng hơn Hoa : 3 kg Mai nặng :...kg? - Gọi 1 HS lên bảng giải.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 4.</u> Trong hình bên :</p> <p>a. Có mấy hình tam giác ? b. Có mấy hình tứ giác ?</p>	<table border="1" data-bbox="862 180 1446 226"> <tr> <td>$9+9=18$</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </table> <p>b)$2+9=11$ $3+8=11$ $4+7=11$ $5+6=11$ $3+9=12$ $4+8=12$ $5+7=12$ $4+9=13$ $5+8=13$ $5+9=14$</p> <p>-Tính: -HS tự làm bài</p> <table data-bbox="862 556 1182 682"> <tr> <td>$\begin{array}{r} 15 \\ + 9 \\ \hline 26 \end{array}$</td> <td>$\begin{array}{r} 26 \\ + 17 \\ \hline 43 \end{array}$</td> <td>$\begin{array}{r} 36 \\ + 8 \\ \hline 44 \end{array}$</td> </tr> </table> <p>-2 HS nêu cách tính $15+9$; $26+17$.</p> <p>1 Hs đọc đề bài. - Hoa cân nặng 28 kg. Mai cân nặng hơn Hoa 3 kg. - Hoa cân nặng bao nhiêu kg?</p> <p>- Bài toán thuộc dạng về nhiều hơn. - HS làm bài</p> <p><u>Bài giải:</u> Bạn Mai cân nặng là: $28 + 3 = 31$ (kg) <u>Đáp số:</u> 31 kg.</p> <p>- HS quan sát và trả lời. a, Có 3 hình tam giác.</p>	$9+9=18$				$\begin{array}{r} 15 \\ + 9 \\ \hline 26 \end{array}$	$\begin{array}{r} 26 \\ + 17 \\ \hline 43 \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 8 \\ \hline 44 \end{array}$
$9+9=18$								
$\begin{array}{r} 15 \\ + 9 \\ \hline 26 \end{array}$	$\begin{array}{r} 26 \\ + 17 \\ \hline 43 \end{array}$	$\begin{array}{r} 36 \\ + 8 \\ \hline 44 \end{array}$						

<ul style="list-style-type: none"> - Nhận xét <p>Hoạt động 2: Củng cố – Dặn dò :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cho HS đọc thuộc lòng bảng cộng. - Gọi HS nêu cách thực hiện phép tính: 38+7; 27+26; 26+15. 	<p><i>b, Có 3 hình tứ giác.</i></p>
---	-------------------------------------

Tiết 39: Luyện tập

I. MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Ghi nhớ và tái hiện nhanh bảng cộng trong phạm vi 20 để tính nhẩm; cộng có nhớ trong phạm vi 100.

2. Kỹ năng:

- Biết giải bài toán có một phép cộng.

3. Thái độ :

- Rèn cho học sinh tính nhanh

II. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ:</u> Kiểm tra 2 HS</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Hoạt động 2: Luyện tập:</u></p>	<p>HS1: Đọc: 9 cộng 2 bằng 11 9 cộng 9 bằng 18 HS2: Đọc: 7 cộng 4 bằng 11 7 cộng 7 bằng 14.</p>

<p><u>Bài 1:</u> - Yêu cầu HS đọc kết quả. - Gọi 2 HS đọc bài chữa.</p> <p>- Khi biết $9 + 6 = 15$ có cần tính $6 + 9$ nữa không? Vì sao?</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 2:</u> -Gọi 1 HS nhắc lại cách đặt tính và tính?</p> <p>-Gọi Hs lên bảng tính.</p> <p>-Gọi 2 HS nêu cách tính $36 + 36$; $69 + 8$. - Nhận xét</p> <p><u>Bài 3:</u> -Yc hs đọc đề bài Gv hỏi kết hợp ghi tóm tắt. Mẹ hái : 38 quả bưởi Chị hái : 16 quả bưởi Mẹ và chị hái: ... quả bưởi?</p> <p>- Tại sao làm phép tính cộng ?</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Hoạt động 3: Củng cố :</u></p>	<p>a) $9+6=15$ $7+8=15$ $6+5=11$ $6+9=15$ $8+7=15$ $5+6=11$ $3+9=12$ $9+3=12$</p> <p>b) $3+8=11$ $4+8=12$ $2+9=11$ $5+8=13$ $4+7=11$ $5+9=14$ $6+7=13$ $7+6=13$</p> <p>- ... không cần tính mà ghi ngay 15, vì khi đổi chỗ các số hạng tổng không đổi.</p> <p>- Đặt tính:Viết số hạng thứ nhất, viết số hạng thứ hai hàng dưới sao cho thẳng cột.</p> <p>Tính:</p> <table style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <tr> <td style="text-align: center;">$\begin{array}{r} 36 \\ + 36 \\ \hline 72 \end{array}$</td> <td style="text-align: center;">$\begin{array}{r} 35 \\ + 47 \\ \hline 82 \end{array}$</td> <td style="text-align: center;">$\begin{array}{r} 69 \\ + 8 \\ \hline 77 \end{array}$</td> <td style="text-align: center;">$\begin{array}{r} 9 \\ + 57 \\ \hline 66 \end{array}$</td> <td style="text-align: center;">$\begin{array}{r} 27 \\ + 18 \\ \hline 45 \end{array}$</td> </tr> </table> <p>- HS nêu</p> <p>-Đọc đề.</p> <p><u>Bài giải:</u> Số bưởi mẹ và chị hái là: $38+16=54$ (quả)</p> <p><u>Đáp số:</u> 54 quả</p> <p>-Vì đã biết số bưởi của mẹ là 38 chị là 16. Tìm số bưởi của hai người gộp vào (cộng vào)</p>	$\begin{array}{r} 36 \\ + 36 \\ \hline 72 \end{array}$	$\begin{array}{r} 35 \\ + 47 \\ \hline 82 \end{array}$	$\begin{array}{r} 69 \\ + 8 \\ \hline 77 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ + 57 \\ \hline 66 \end{array}$	$\begin{array}{r} 27 \\ + 18 \\ \hline 45 \end{array}$
$\begin{array}{r} 36 \\ + 36 \\ \hline 72 \end{array}$	$\begin{array}{r} 35 \\ + 47 \\ \hline 82 \end{array}$	$\begin{array}{r} 69 \\ + 8 \\ \hline 77 \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ + 57 \\ \hline 66 \end{array}$	$\begin{array}{r} 27 \\ + 18 \\ \hline 45 \end{array}$		

-Khi đổi chỗ các số hạng thì tổng ntn? -Gọi 1 HS nêu cách đặt tính và tính $46 + 27$. Nhận xét tiết học	- Tổng không đổi.
--	-------------------

Tiết 40: PHÉP CỘNG CÓ TỔNG BẰNG 100

I.MỤC TIÊU:

1. Mục tiêu :- Biết thực hiện phép cộng có tổng có tổng bằng 100.
2. Kỹ năng :- Biết cộng nhẩm các số tròn chục.
- Biết giải bài toán với một phép cộng có tổng bằng 100.
- 3.Thái độ :- HS hứng thú học tập

II.CHUẨN BỊ:

Bảng phụ ghi mẫu BT2 .

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ</u> -Gọi 2 HS lên bảng , yêu cầu cả lớp làm giấy nháp.</p> <p>-Nhận xét</p> <p><u>Hoạt động 2: Giới thiệu phép cộng 83+17:</u> -GV nêu bài toán :Có 83 que tính, thêm 17 que tính nữa. Hỏi có tất cả bao nhiêu que tính ? - Muốn biết có tất cả bao nhiêu que tính ta làm thế nào ? -Yc 1 hs lên bảng thực hiện đặt tính và tính.</p>	<p>HS1: $40+20+10=70$ $50+10+30=90$ HS2: $10+30+40=80$ $42+7+4=53$</p> <p>-Lắng nghe và phân tích đề.</p> <p>-Thực hiện phép cộng $83+17$</p> <p>Cả lớp làm giấy nháp: $+ \quad 83$</p>

<p>- Hỏi : Đặt tính thế nào ?</p> <p>- Thực hiện tính thế nào ?</p> <p>- Yc hs nhắc lại cách đặt tính.</p> <p>Hoạt động 3: Thực hành</p> <p><u>Bài 1</u></p> <p>-Yc hs tự làm bài. Gọi 4 hs lên bảng làm bài.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p><u>Bài 2:</u> Yêu cầu làm gì? Viết bảng $60 + 40$. Em nào có thể nhắm được?</p> <p>HD: - 60 là mấy chục? - 6 chục cộng 4 chục bằng mấy chục? - 10 chục là bao nhiêu chục? Vậy $60 + 40 = 100$. Yc HS làm bài vào vở.</p> <p>-Nhận xét</p> <p><u>Bài 3:</u> Gọi 1 HS đọc đề bài. Bài toán cho biết gì?</p> <p>-Bài toán hỏi gì ?</p> <p>-Bài toán thuộc dạng nào? - Yêu cầu HS làm bài</p>	$\begin{array}{r} 17 \\ \hline 100 \end{array}$ <p>-Viết 83 rồi viết 17 hàng dưới 83, sao cho 7 thẳng cột với 3, 1 thẳng với 8, kẻ gạch ngang.</p> <p>-Tính từ phải sang trái, 3 cộng 7 bằng 10, viết 0 nhớ 1, 8 cộng 1 bằng 9, 9 thêm 1 bằng 10, viết 10. Vậy 83 cộng 17 bằng 100.</p> <p>- Nhắc lại</p> <p>Tự làm bài. Tính:</p> $\begin{array}{r} 99 \\ + 1 \\ \hline 100 \end{array} \quad \begin{array}{r} 75 \\ + 25 \\ \hline 100 \end{array} \quad \begin{array}{r} 64 \\ + 36 \\ \hline 100 \end{array} \quad \begin{array}{r} 48 \\ + 52 \\ \hline 100 \end{array}$ <p>-Tính nhắm. Nhắm: 60 cộng 40 bằng 100. Hoặc 6 chục + 4 chục = 10 chục 10 chục = 100 Vậy $60 + 40 = 100$</p> <p>-6 chục -10 chục -100</p> <p>$60+40=100$ $90+10=100$ $80+20=100$ $50+50=100$ $30+70=100$</p> <p>1 HS đọc đề bài.</p> <p>-Buổi sáng bán được 85 kg, buổi chiều bán nhiều hơn buổi sáng 15 kg. -Buổi chiều bán được bao nhiêu kg đường. -Bài toán về nhiều hơn</p>
---	--

<p style="text-align: center;"><u>Tóm tắt:</u></p> <p>Sáng bán : 85 kg Chiều bán nhiều hơn sáng : 15 kg Chiều bán : ...kg? Nhận xét</p> <p><u>Hoạt động 4: Củng cố :</u> -Gọi 2 HS nhắc lại cách đặt tính và tính $83 + 17$ Nhận xét tiết học...</p>	<p>HS làm bài</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải:</u></p> <p>Số ki-lô- gam đường buổi chiều bán là: $85 + 15 = 100$ (kg) <u>Đáp số:</u> 100 kg đường</p> <p>- HS nhắc lại cách đặt tính và tính $83 + 17$</p>
--	--

TUẦN 9

Tiết 41 : **LÍT**

I/ MỤC TIÊU :

1. **Kiến thức** : Giúp học sinh :

- Biết sử dụng chai 1 lít hoặc ca 1 lít để đo, đong nước, dầu...
- Biết ca 1 lít, chai 1 lít,. Biết lít là đơn vị đo dung tích. Biết đọc, viết tên gọi và kí hiệu của lít (l).
- Biết thực hiện phép cộng, trừ các số đo theo đơn vị lít. Biết giải toán có liên quan đến đơn vị lít.

2. **Kĩ năng** : Rèn làm tính đúng có kèm tên đơn vị (l), đong, đo chính xác.

3. **Thái độ** : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

Cốc, ca 1 lít, chai 1 lít, xô đựng nước sạch, túi sữa 1 lít, can.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><u>Hoạt động 1.KT bài cũ:</u> Ghi :</p> $63 + 37$ $55 + 45$ -Ghi : $90 + 10$ $70 + 30$ $60 + 40$ $20 + 80$ -Nhận xét. <p>*<u>Dạy bài mới</u> : Giới thiệu bài . -<u>Trực quan</u>: Đưa một cốc nước thủy tinh. -Để biết trong cốc có bao nhiêu nước hay trong 1 cái can có bao nhiêu nước (dầu, nước mắm, sữa) người ta dùng đơn vị đo đó là : lít.</p>	<p>-1 em lên bảng đặt tính và tính. -1 em nêu cách nhẩm, Lớp làm bảng con.</p> <p>-Quan sát xem trong cốc có bao nhiêu nước. -Vài em nhắc tựa : Lít.</p>

Hoạt động 2: Làm quen với biểu tượng dung tích.

A/ Trực quan : Đưa 1 cốc nước và 1 ca nước.

-Em hãy nhận xét về mức nước ?

-Nhận xét.

Hoạt động 3: Giới thiệu ca 1 lít (chai 1 lít). Đơn vị lít.

Truyền đạt: Để biết trong cốc, ca, can có bao nhiêu lít nước Ta dùng đơn vị là lít. Lít viết tắt là (l).

-Giáo viên viết bảng : (l)

-Đưa ra 1 túi sữa (1 lít).

-Đưa ra 1 ca (1 lít) đổ túi sữa trở lại trong ca và hỏi ca chứa mấy lít sữa ?

-Em có nhận xét gì ?

-Đưa ra 1 cái can có vạch chia. Rót nước vào can dần theo từng vạch, học sinh đọc lần lượt mức nước có trong can.

Hoạt động 4: Luyện tập – thực hành.

Bài 1: Yêu cầu gì ?

-Gọi 5-6 em đọc

-Nhận xét

Bài 2 :

-Ghi phép tính và yêu cầu HS tính:

-Cốc nước có ít nước hơn ca.
-Ca đựng nhiều nước hơn cốc.

-Nhiều em đọc Lít (l).

-HS đọc 1 lít sữa.

-1 em nêu : ca chứa 1 lít sữa.

-Nhận xét : số lít đựng được của ca và túi như nhau.

-1 lít, 2 lít, 3 lít,

-Đọc ,viết (theo mẫu)

	3 l	10 l	2 l	5 l
Đọc	Ba lít	Mười lít	Hai lít	Năm lít
Viết	3 l	10 l	2 l	5 l

Ba lít
Mười lít
Hai lít
Năm lít

<p style="text-align: center;">$9l + 8l = 17l$ $17l - 6l = 11l$</p> <p>-Em hãy nhận xét về các số trong bài ?</p> <p>-Tại sao $9l + 8l = 17l$?</p> <p>-Nhận xét</p> <p>Bài 3.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS đọc đề bài - GV hướng dẫn - HS làm bài <p>-Nhận xét</p> <p><u>Bài 4 :</u></p> <p>Gọi 1 HS đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS làm bài <p><u>Tóm tắt:</u></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>Lần đầu</i> : 12 l <i>Lần sau</i> : 15 l <i>Cả hai lần</i> : ? lít</p> <p>-Nhận xét</p> <p>-Chấm vở.</p> <p><u>Hoạt động 5: Củng cố :</u></p> <p>GV viết lên bảng: 3l, 14l, 7l, 15l, 19l, 10l</p> <p>-Lít là đơn vị dùng để làm gì ? Lít</p>	<p>-Tính cộng với số đo theo đơn vị lít (l)</p> <p>-Các số có kèm theo đơn vị lít.</p> <p>-Vài em đọc : $9l + 8l = 17l$ $17l - 6l = 11l$</p> <p>-Vì $9 + 8 = 17$.</p> <p>a) $9l + 8l = 17l$; $15l + 5l = 20l$ b) $17l - 6l = 11l$; $18l - 5l = 13l$ $2l + 2l + 6l = 10l$; $28l - 4l - 2l = 22l$;</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đề bài - <i>Lắng nghe</i> <p>b, Còn 8 lít. c, Còn 10 lít.</p> <p>HS đọc đề bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài <p style="text-align: center;"><i>Bài giải.</i></p> <p><i>Cả hai lần bán được là:</i> $12 + 15 = 27$ (l) <i>Đáp số : 27 lít nước mắm.</i></p> <p>-1 em đọc.</p>
---	---

viết tắt là gì ? Dặn dò ...	-Đo sức chứa. Lít viết tắt là <i>l</i> -Học bài.
--------------------------------	---

Tiết 42 : **LUYỆN TẬP**

I/ MỤC TIÊU :

- Kiến thức** :Giúp học sinh củng cố về :
-Biết thực hiện phép cộng với các dạng đã học với các số đo theo đơn vị lít.
- Biết sử dụng chai 1 lít hoặc ca 1 lít để đong, đo nước, dầu,..
-Biết giải bài toán có liên quan đến đơn vị lít.
- Kĩ năng** : Rèn tính nhanh, giải toán có kèm tên đơn vị đúng chính xác.
- Thái độ** : Phát triển tư duy toán học cho học sinh

II/ CHUẨN BỊ :

Viết bảng bài 2

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ</u> :</p> <p>-Ghi : $7l + 8l =$ $3l + 7l + 4l =$ $14l + 8l =$ $6l + 15l + 4l =$</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 2</u> : Làm bài tập.</p> <p><u>Bài 1</u>:Yêu cầu gì? -Yêu cầu HS tự làm bài vào vở</p> <p>-Em nêu cách tính $35l - 12l$? -Nhận xét</p> <p><u>Bài 2</u>: Trực quan với cốc nước $1l, 2l, 3l$.</p> <p>-Hỏi : Có mấy cốc nước ? -Đọc số đo trên cốc. -Bài toán yêu cầu gì ?</p>	<p>-2 em lên bảng tính. Lớp bảng con.</p> <p>- Tính nhẩm. -3 em lên bảng làm. Cả lớp làm vở. $2l + 1l = 3l$ $15l - 5l = 10l$ $16l + 5l = 21l$ $35l - 12l = 23l$ $3l + 2l - 1l = 4l$ $16l - 4l + 15l = 27l$</p> <p>-$35 - 12 = 23$. Vậy $35l - 12l = 23l$</p> <p>-Quan sát. -Có 3 cốc nước đựng $1l, 2l, 3l$. -Đọc $1l, 2l, 3l$. -Tính số nước của 3 cốc . -Thực hiện phép tính $1l + 2l + 3l$.</p>

Tiết 43: LUYỆN TẬP CHUNG

I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức : Giúp học sinh củng cố về :

- Biết thực hiện phép cộng với các dạng đã học, phép cộng với các số kèm theo đơn vị: *kg, l*.

- Biết số hạng, tổng.

- Biết giải bài toán với một phép cộng.

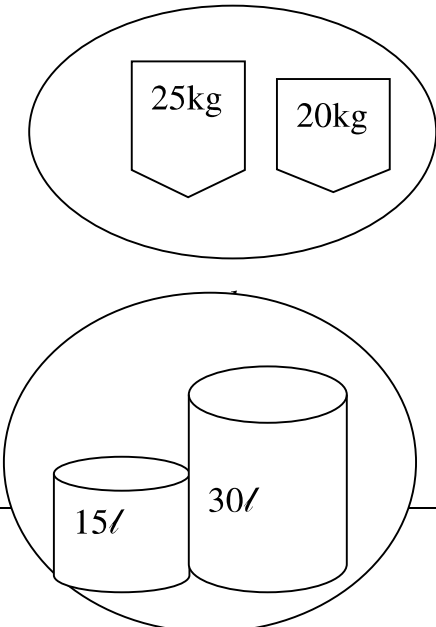
2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng cộng đúng, nhanh, chính xác.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

Hình vẽ bài 2.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><u>Hoạt động 1</u> : Làm bài tập.</p> <p><u>Bài 1</u> :</p> <p><u>Chữa bài</u>: Yc HS nối tiếp nhau đọc kết quả</p> <p><u>Bài 2</u> : Treo tranh</p> 	<p>-HS làm bài vào vở.</p> <p>$6+5=11$ $16+5=21$ $8+7=15$ $27+8=35$ $40+5=45$ $4+16=20$ $30+6=36$ $3+47=50$</p> <p>-HS nối tiếp báo cáo kết quả.</p>

... l

a) Có mấy bao gạo, bao thứ nhất nặng bao nhiêu kg, bao thứ hai nặng bao nhiêu kg?

- Bài toán yêu cầu làm gì?

- Điền số nào vào các dấu chấm?

- Phần b HD tương tự sau đó gọi 1 HS lên bảng điền.

-Đặt câu hỏi hướng dẫn.

-Nhận xét

Bài 3 :

Yc HS làm bài vào vở.

-Nhận xét.

Bài 4 : Yêu cầu gì ?

-Bài toán cho biết gì ?

-Bài toán hỏi gì ?

- Gọi 1 HS đọc đề bài.

- Gọi 1 HS lên bảng làm.

-Nhận xét

Hoạt động 2: Củng cố : -Nêu cách thực hiện $68 + 32$, $74 + 26$

-Nhận xét tiết học.

a/ Có hai bao gạo bao thứ nhất nặng 25 kg, bao thứ hai nặng 20 kg.

- Hỏi cả hai bao nặng bao nhiêu kilôgam ?

-Lấy: $25 + 20 = 45$ (kg)

- số 45

b/ Thùng thứ nhất đựng 15 lít nước, thùng thứ hai đựng 30 lít. Hỏi cả hai thùng đựng bao nhiêu lít nước ?

-Lấy: $15 + 30 = 45$ (l)

- số 45

-Làm bài.

Số hạng	43	45	63
Số hạng	17	48	29
Tổng	60	93	92

-Giải bài toán theo tóm tắt.

-Lần đầu bán 45 kg, lần sau bán 38 kg.

-Cả hai lần bán bao nhiêu kg.

VD: Lần đầu cửa hàng bán được 45 kg gạo, lần sau cửa hàng bán được 38 kg gạo. Hỏi cả hai lần cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

-1 em lên bảng làm.

Bài giải:

Số gạo cả hai lần bán là:

$45 + 38 = 83$ (kg)

Đáp số: 83 kg gạo.

-1 em nêu.

- Dẫn dò: Tiết toán sau kiểm tra định kì.	
---	--

Tiết 44 **Ôn tập**

I. MỤC TIÊU

- Biết thực hiện với các dạng đã học, phép cộng các số kèm theo đơn vị :
kg, lít

- Biết giải bài toán với 1 phép cộng.

- Yêu thích môn toán, tính chính xác, cẩn thận khi làm bài.

II. CHUẨN BỊ:

- Viết sẵn bài tập 3 ở bảng phụ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. <u>Khởi động:</u></p> <p>2. <u>Kiểm tra bài cũ:</u></p> <p>- Gọi 2 HS lên thực hiện phép tính:</p> $26 + 71 = \qquad 24 + 61 =$ $38 - 51 = \qquad 75 - 51 =$ <p>- Nhận xét.</p> <p>3. <u>Bài mới:</u></p> <p><u>Bài 1:</u> Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:</p> <p>a. 11 ; 21 ; 45 ; 20</p> <p>b. 15 ; 36 ; 25 ; 50</p> <p>- Yêu cầu HS tự làm bài.</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 2:</u> Lần đầu cửa hàng bán được 55 kg gạo, lần sau cửa hàng bán được 28 kg gạo. Hỏi cả hai lần cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?</p> <p>- GV hướng dẫn cách làm</p> <p>- Nhận xét</p> <p><u>Bài 3:</u> Tính :</p> <p>35kg + 20kg ; 15l + 30l; 26l + 25l ; 15kg + 55 kg</p>	<p>- Hát</p> <p>- 2 HS lên bảng tính.</p> <p>- HS nêu yêu cầu bài 1.</p> <p>- HS làm bài.</p> <p>- HS nêu và làm bài</p> <p>Số gạo cả hai lần bán là: $55 + 28 = 83$ (kg) <u>Đáp số:</u> 83 kg gạo.</p> <p>- Thực hiện phép tính cộng $35\text{kg} + 20\text{kg} = 55\text{kg}$ $15\text{kg} + 55\text{kg} = 70\text{kg}$</p>

HD học sinh làm bài Nhận xét, tuyên dương. 4. Củng cố dặn dò : <u>Nhận xét - Dẫn dò:</u> - Nhận xét, tuyên dương.	$15l + 30l = 45l$ $26l + 25l = 51l$
---	--

Tiết 45 : **TÌM MỘT SỐ HẠNG TRONG MỘT TỔNG**

I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Biết tìm x trong các bài tập dạng: $x + a = b$, $a + x = b$ (với a, b là các số không quá 2 chữ số) bằng sử dụng mối quan hệ giữa thành phần và kết quả của phép tính.
- Biết cách tìm một số hạng khi biết tổng và số hạng kia.
- Biết giải bài toán có một phép trừ.

2. Kĩ năng : Rèn kĩ năng tìm số hạng nhanh, giải toán đúng.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

Các hình vẽ ở phần bài học.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<u>Hoạt động 1: Giới thiệu bài.</u> - Ghi : $6 + 4$ em hãy tính tổng ? -Hãy gọi tên các thành phần trong phép cộng trên ? -Bài học hôm nay sẽ học cách tìm một số hạng chưa biết trong một tổng. <u>Hoạt động 2 : Cách tìm số hạng trong một tổng.</u> <u>Trực quan</u> : Hình vẽ 1. -Có tất cả bao nhiêu ô vuông ? Được chia làm mấy phần mỗi phần có mấy ô vuông ? $-4 + 6 = ?$ $-6 = 10 - ?$ -6 là số ô vuông của phần nào ? -4 là số ô vuông của phần nào ? -Vậy khi lấy tổng số ô vuông trừ đi số ô vuông của phần thứ hai ta được số ô vuông	$-6 + 4 = 10$ -6 và 4 là các số hạng, 10 là tổng. -Có 10 ô vuông, chia 2 phần : 6 ô và 4 ô. $-4 + 6 = 10.$ $-6 = 10 - 4$ -Phần thứ nhất. -Phần thứ hai. -Vài em nhắc lại.

của phần thứ nhất.

-Tương tự em hãy nêu cách thực hiện tìm phần thứ hai?

Trực quan : Hình 2.

-Nêu bài toán : Có tất cả 10 ô vuông. Chia làm 2 phần. Phần thứ hai có 4 ô vuông. Phần thứ nhất chưa biết ta gọi là x. Ta có x ô vuông cộng 4 ô vuông bằng 10 ô vuông.

Viết bảng : $x + 4 = 10$

-Em hãy nêu cách tính số ô vuông chưa biết ?

-Vậy ta có : Số ô vuông chưa biết bằng $10 - 4$. Viết bảng : $x = 10 - 4$.

-Viết bảng : $x = 6$.

-Tương tự : $6 + x = 10$

-Em gọi tên các thành phần trong phép cộng

-Muốn tìm một số hạng trong một tổng em làm như thế nào ?

Hoạt động 3 : Làm bài tập.

Bài 1: Yêu cầu gì ?

- Khi lấy tổng số ô vuông trừ đi số ô vuông của phần thứ nhất ta được số ô vuông của phần thứ hai.

Nhận xét..

-Theo dõi.

-Lấy $10 - 4$ (vì 10 là tổng số ô vuông, 4 ô vuông là phần đã biết)

-HS đọc bài : $x + 4 = 10$

$x = 10 - 4$

$$x = 6$$

-1 em lên bảng làm .Lớp làm nháp.

$$6 + x = 10$$

$$x = 10 - 6$$

$$x = 4$$

-Số hạng + số hạng = Tổng.

-Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

-Nhiều em nhắc lại.

-Đồng thanh.

-Tìm x.

-1 em đọc bài mẫu.

- 2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.

a) $x+3=9$ b) $x+5=10$

$$x=9-3$$

$$x=10-5$$

$$x=6$$

$$x=5$$

c) $x+2=8$

e) $4+x=14$

$$x=8-2$$

$$x=14-4$$

$$x=6$$

$$x=10$$

d) $x+8=19$

<p>-Nhận xét. <u>Bài 2:</u> - Gọi 1 HS đọc đề -Các số cần điền vào ô trống là những số nào trong phép cộng? -Muốn tìm tổng em làm như thế nào ? -Muốn tìm một số hạng trong một tổng ta làm như thế nào?</p> <p>-Nhận xét. <u>Bài 3:</u> - Gọi 1 HS đọc đề - GV hỏi kết hợp tóm tắt. <u>Tóm tắt.</u> Có : 35 học sinh. Trai : 20 học sinh. Gái : ... học sinh? - HD HS dựa vào cách tìm số hạng trong một tổng để giải bài toán?</p> <p>-Nhận xét. <u>Hoạt động 4 Củng cố :</u> -Nêu cách tìm số hạng trong một tổng ? -Nhận xét tiết học.Tuyên dương, nhắc nhở - Dặn dò:Học thuộc ghi nhớ của bài.</p>	<p>$x=19-8$ $x=11$</p> <p>-Viết số thích hợp vào ô trống. -Là tổng các số hạng còn thiếu</p> <p>-Lấy số hạng + số hạng. - Lấy tổng trừ đi số hạng kia.</p> <p>-2 em lên bảng. Lớp làm vở.</p> <table border="1" data-bbox="948 638 1419 779"> <tr> <td>Số hạng</td> <td>12</td> <td>9</td> <td>10</td> </tr> <tr> <td>Số hạng</td> <td>6</td> <td>1</td> <td>24</td> </tr> <tr> <td>Tổng</td> <td>18</td> <td>10</td> <td>34</td> </tr> </table> <p>-1 em đọc đề.</p> <p><u>Bài giải:</u> Số học sinh gái có là : $35 - 20 = 15$ (học sinh) <u>Đáp số</u> : 15 học sinh.</p> <p>-1 em nêu. -Học thuộc bài.</p>	Số hạng	12	9	10	Số hạng	6	1	24	Tổng	18	10	34
Số hạng	12	9	10										
Số hạng	6	1	24										
Tổng	18	10	34										

TUẦN 10

Tiết 46 : **LUYỆN TẬP**

I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :

- Biết tìm x trong các bài tập dạng: $x + a = b$; $a + x = b$ (với a, b là các số có không quá hai chữ số)

- Biết giải bài toán có một phép trừ.

2. Kĩ năng : Rèn tính đúng, chính xác các dạng toán tìm số hạng trong một tổng.

3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p>Hoạt động 1 :KT bài cũ:</p> <p>-Ghi : Tìm x : $x + 8 = 19$ $41 + x = 75$</p> <p>-Muốn tìm một số hạng chưa biết trong một tổng ta làm ntn?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p>Giới thiệu bài.</p> <p>Hoạt động 2: Làm bài tập.</p> <p>Bài 1 :</p> <p>Gọi 3 em lên bảng</p> <p>- Câu a -Vì sao $x = 10 - 8$</p> <p>-Nhận xét.</p> <p>Bài 2: Yêu cầu gì ?</p>	<p>-2 em lên bảng làm. Lớp bảng con.</p> <p>-1 em nêu.</p> <p>-Luyện tập.</p> <p>-HS làm bài.3 em lên bảng</p> <p>a) $x + 8 = 10$ b) $x + 7 = 10$ $x = 10 - 8$ $x = 10 - 7$ $x = 2$ $x = 3$</p> <p>c) $30 + x = 57$ $x = 57 - 30$ $x = 28$</p> <p>-x là số hạng cần tìm, 10 là tổng, 8 là số hạng đã biết. Tìm x là lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.</p> <p>-Nhẩm và ghi ngay kết quả.</p> <p>-Làm bài.</p>

<p>-Nhận xét . Bài 3. - Gọi 1 HS đọc đề</p> <p>-Nhận xét . Bài 4: Gọi 1 HS đọc đề -Bài toán cho biết gì ?</p> <p>-Bài toán hỏi gì ? Cam và quýt : 45 quả Trong đó cam : 25 quả Quýt : ... quả?</p> <p>-Vì sao tìm số quả quýt em lấy 45 trừ 25 ?</p> <p>Bài 5: Vì sao khoanh vào chữ c?</p> <p>- Nhận xét</p> <p>Hoạt động 3. Củng cố: GV viết lên bảng $x + 3 = 18$ $x = 18 - 3$ $x = 5$ - Hỏi: Phép tính trên đúng hay sai? - Nhận xét tiết học.</p>	<p>$9 + 1 = 10$ $8 + 2 = 10$ $10 - 9 = 1$ $10 - 8 = 2$ $10 - 1 = 9$ $10 - 2 = 8$ $3 + 7 = 10$ $10 - 3 = 7$ $10 - 7 = 3$</p> <p>-Tính $10 - 1 - 2 = 7$ $10 - 4 - 3 = 3$ $10 - 3 = 7$ $10 - 7 = 3$ $19 - 3 - 5 = 11$ $19 - 8 = 11$</p> <p>-1 em đọc đề. - Cam và quýt : 45 quả, trong đó cam : 25 quả. -Có bao nhiêu quả quýt?</p> <p style="text-align: center;">Bài giải: Có tất cả số quả quýt là : $45 - 25 = 20$ (quả) Đáp số : 20 quả quýt.</p> <p>-Vì 45 là tổng, 25 là số hạng đã biết. Muốn tìm số quýt lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.</p> <p>- HS trả lời -Tự làm : $x = 0$ $x = 0$; vì $0 + 5 = 5$</p> <p>- Đúng</p> <p>-</p>
---	--

TIẾT 47: SỐ TRÒN CHỤC TRỪ ĐI MỘT SỐ

I/ MỤC TIÊU :

1. **Kiến thức** :Giúp học sinh :

-Biết thực hiện phép trừ có trong phạm vi 100- trường hợp số bị trừ là số tròn chục, số trừ là số có một hoặc hai chữ số.

- Biết giải bài toán có một phép trừ.

2.**Kĩ năng** : Rèn đặt tính nhanh, giải toán đúng chính xác.

3. **Thái độ** : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

II/ CHUẨN BỊ :

1. **Giáo viên** : 4 bó, mỗi bó có 10 que tính.

2. **Học sinh** : mỗi em 4 bó, mỗi bó có 10 que tính.

Sách, vở ghi bài, bảng con, nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p>Hoạt động 1: Giới thiệu phép trừ $40 - 8$</p> <p>a/ <u>Nêu vấn đề</u> :</p> <p>-<u>Nêu bài toán</u> : Có 40 que tính, bớt đi 8 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính ?</p> <p>-Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm thế nào ?</p> <p>-Giáo viên viết bảng : $40 - 8$</p> <p>b/ <u>Tìm kết quả</u>.</p> <p>-Còn lại bao nhiêu que tính ?</p> <p>-Em làm như thế nào ?</p> <p>-Hướng dẫn cho HS cách bớt. Vậy $40 - 8 = ?$</p> <p>-Viết bảng : $40 - 8 = 32$.</p>	<p>-Số tròn chục trừ đi một số.</p> <p>-Nghe và phân tích đề toán.</p> <p>-1 em nhắc lại bài toán.</p> <p>-Thực hiện phép trừ $40 - 8$</p> <p>-HS thao tác trên que tính, lấy 4 bó que tính bớt 8 que .</p> <p>-2 em ngồi cạnh nhau thảo luận tìm cách bớt.</p> <p>-Còn lại 32 que tính.</p> <p>-Tháo hết 4 bó, bớt 8 que, đếm lại còn 32 que, hoặc tháo 1 bó lấy đi 8 que, còn lại 3 bó và 2 que là 32 que tính.</p> <p>- $40 - 8 = 32$.</p>

c/ Đặt tính và tính.

- Đặt tính: Viết 40 rồi viết 8 xuống dưới thẳng cột với 0, viết dấu – và kẻ gạch ngang.

$$\begin{array}{r} 40 \\ - 8 \\ \hline 32 \end{array}$$

- Tính : 0 không trừ được 8, lấy 10 – 8 = 2 viết 2 nhớ 1, 4 trừ 1 bằng 3 viết 3.

d / Áp dụng

Bài 1: Gọi 1 HS đọc đề

Gọi 3 em lên bảng làm

- Gọi 1 HS nhắc lại cách tính

Hoạt động 2: Giới thiệu phép trừ 40 - 18

-Tiến hành tương tự như 40 – 8.

$$\begin{array}{r} 40 \\ - 18 \\ \hline 22 \end{array}$$

-HDHS rút ra cách trừ: 0 không trừ được 8, lấy 10 – 8 = 2 viết 2 nhớ 1, 1 thêm 1 bằng 2, 4 trừ 2 bằng 2 viết 2.

-Nhận xét.

Hoạt động 3: Luyện tập

Bài 1: Gọi 1 HS đọc đề

Gọi 3 em lên bảng làm

-Nhận xét

Bài 2. Gọi 1 HS đọc đề

Gọi 3 em lên bảng làm

-Nhiều em nhắc lại.

-1 HS đọc đề

-3 em lên bảng làm. Lớp làm vở .

$$\begin{array}{r} 60 \\ - 9 \\ \hline 51 \end{array} \quad \begin{array}{r} 50 \\ - 5 \\ \hline 45 \end{array} \quad \begin{array}{r} 90 \\ - 2 \\ \hline 88 \end{array}$$

-Nêu cách tính.

-Nhiều em nhắc lại.

-1 HS đọc đề

-3 em lên bảng làm. Lớp làm vở .

$$\begin{array}{r} 80 \\ - 17 \\ \hline 63 \end{array} \quad \begin{array}{r} 30 \\ - 11 \\ \hline 19 \end{array} \quad \begin{array}{r} 90 \\ - 54 \\ \hline 36 \end{array}$$

Tìm X

3 em lên bảng làm

<p>-Nhận xét</p> <p><u>Bài 3 :</u></p> <p>-Gọi 1 em đọc đề.</p> <p><u>Tóm tắt:</u></p> <p>Có : 2 chục que tính</p> <p>Bớt : 5 que tính</p> <p>Còn lại:... que tính?</p> <p>-2 chục bằng bao nhiêu ?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 4: Củng cố :</u></p> <p>-Nêu cách tính : $80 - 7, 70 - 18,$</p> <p>-Nhận xét tiết học.</p>	<p>$a, x + 9 = 30 \quad b, 5 + x = 20$</p> <p>$x = 30 - 9 \quad x = 20 - 5$</p> <p>$x = 21 \quad x = 15$</p> <p>$c, x + 19 = 60$</p> <p>$x = 60 - 19$</p> <p>$x = 41$</p> <p>-1 em đọc đề.</p> <p>-20 que tính .</p> <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Số que tính còn lại:</p> <p>$20 - 5 = 15$ (que tính)</p> <p>Đáp số : 15 que tính.</p> <p>-2 em nêu</p>
---	--

Tiết 48 : **11 TRỪ ĐI MỘT SỐ : 11 - 5**

I/ **MỤC TIÊU :**

1. **Kiến thức :** Giúp học sinh :

- Biết cách thực hiện phép trừ dạng 11- 5, lập được bảng 11 trừ đi một số.

- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 11 – 5.

2.Kĩ năng : Rèn kĩ năng thuộc bảng trừ, giải toán đúng.

3.Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

1.Giáo viên : 1 bó 1 chục que tính và 1 que tính rời.

2.Học sinh : Mỗi em 1 bó 1 chục que tính và 1 que tính rời. Sách, vở , nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><u>Hoạt động 1: KT bài cũ:</u></p> <p>-Ghi : $80 - 6$ $60 - 27$ $70 - 3$</p> <p>-Nêu cách đặt tính và tính -Nhận xét Giới thiệu bài.</p> <p><u>Hoạt động 2 : Phép trừ 11 - 5</u> <i>a/ <u>Nêu vấn đề:</u></i> <i>-<u>Bài toán:</u></i> Có 11 que tính, bớt đi 5 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? -Có bao nhiêu que tính ? bớt đi bao nhiêu que ? -Để biết còn lại bao nhiêu que tính em phải gì ? -Viết bảng : $11 - 5$.</p> <p><i>b / <u>Tìm kết quả</u> .</i></p> <p>-Em thực hiện bớt như thế nào ? <u>Hướng dẫn cách bớt hợp lý:</u> -Có bao nhiêu que tính tất cả ? -Đầu tiên bớt 1 que rời trước. -Chúng ta còn phải bớt bao nhiêu que nữa ? Vì sao? -Để bớt được 4 que tính nữa cô tháo 1 bó thành 10 que rời, bớt 4</p>	<p>-3 em lên bảng làm.Đặt tính và tính -Cả lớp làm bảng con.</p> <p>-11 trừ đi một số : $11 - 5$</p> <p>-Nghe và phân tích.</p> <p>-11 que tính, bớt 5 que.</p> <p>-Thực hiện $11 - 5$.</p> <p>-Thao tác trên que tính. Lấy 11 que tính, bớt 5 que, suy nghĩ và trả lời, còn 6 que tính.</p> <p>-1 em trả lời.</p> <p>-Có 11 que tính (1 bó và 1 que rời)</p> <p>-Bớt 4 que nữa. Vì $1 + 4 = 5$</p>

que còn lại 6 que.

-Vậy 11 que tính bớt 5 que tính còn mấy que tính ?

-Vậy $11 - 5 = ?$

-Viết bảng : $11 - 5 = 6$

c/ Đặt tính và thực hiện .

-HDHS đặt tính và tính :

$$\begin{array}{r} 11 \\ - 5 \\ \hline 6 \end{array}$$

- Viết 11 rồi viết 5 xuống dưới thẳng cột với 1(đơn vị). Viết 6, viết dấu trừ và kẻ gạch ngang.

-Trừ từ phải sang trái, 1 không trừ được 5, lấy 11 trừ 5 bằng 6, viết 6 nhớ 1, 1 trừ 1 bằng 0.

- Vậy $11 - 5$ bằng bao nhiêu?

Hoạt động 3: *Bảng công thức:*
11 trừ đi một số.

-Nhận xét.

Hoạt động 4: Luyện tập.

Bài 1:-Gọi 4 em lên bảng làm.

-Còn 6 que tính.

$$-11 - 5 = 6.$$

$$- 11 - 5 = 6.$$

-Nhều em nhắc lại.

-Thao tác trên que tính tìm kết quả. - HS nối tiếp nhau nêu kết quả.
 $11-2=9$

$$11-3=8$$

$$11-4=7$$

$$11-5=6$$

$$11-6=5$$

$$11-7=4$$

$$11-8=3$$

$$11-9=2$$

-HTL bảng công thức. Đồng thanh.

--4 em lên bảng làm.Lớp làm bảng con.

$$a) 9+2=11 \quad 8+3=11 \quad 7+4=11$$

$$2+9=11 \quad 3+8=11 \quad 4+7=11$$

$$6+5=11$$

$$5+6=11$$

$$11-9=2 \quad 11-8=3 \quad 11-7=4$$

<p>-Khi biết $2 + 9 = 11$, có cần tính $9 + 2$ không Vì sao ?</p> <p>-Khi biết $9 + 2 = 11$ có thể ghi ngay kết quả của $11 - 9$ và $11 - 2$ không ? Vì sao ? Nhận xét.</p> <p><u>Bài 2:</u></p> <p>-Nhận xét. - Gọi 2 HS nêu cách thực hiện $11 - 7, 11 - 2$.</p> <p><u>Bài 3.</u></p> <p>Nhận xét.</p> <p><u>Bài 4:</u> -Gọi 1 HS đọc đề và làm bài</p> <p><u>Tóm tắt:</u> Bình có : 11 quả Bính cho : 4 quả Bình còn: ... quả? Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 5:Củng cố:</u> -Nhận xét tiết học.</p>	<p>$11-2=9$ $11-3=8$ $11 - 4 = 7$ $11 - 6 = 5$ $11- 5 = 6$</p> <p>-Không cần vì khi thay đổi vị trí các số hạng trong một tổng thì tổng không thay đổi. -Có thể ghi ngay vì 2 và 9 là các số hạng trong phép cộng $9 + 2 = 11$, khi lấy tổng trừ số hạng này sẽ được số hạng kia.</p> <p>-Làm bài vào vở:</p> $\begin{array}{r} 11 \\ - 8 \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 7 \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 3 \\ \hline 8 \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 5 \\ \hline 6 \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 2 \\ \hline 9 \end{array}$ <p>- HS nêu</p> <p>- HS đọc đề bài</p> $\begin{array}{r} 11 \\ - 7 \\ \hline 4 \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 9 \\ \hline 2 \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 3 \\ \hline 8 \end{array}$ <p>-1 HS đọc đề.</p> <p><u>Bài giải:</u> Số quả bóng Bình còn lại là: $11 - 4 = 7$ (quả) <u>Đáp số:</u> 7 quả bóng.</p>
---	--

Tiết 49 : 31 - 5

I/ MỤC TIÊU :

1.**Kiến thức** : Giúp học sinh :

- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng $31 - 5$.
- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng $31 - 5$.
- Nhận biết giao điểm của 2 đoạn thẳng.

2.**Kĩ năng** : Rèn tính nhanh, giải toán đúng.

3. Thái độ : Thích học Toán, yêu toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên : 3 bó 1 chục que tính và 1 que rời, bảng gài.

2. Học sinh : Sách, vở, bảng con, nháp, mỗi em 3 bó 1 chục que tính và 1 que rời.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><u>Hoạt động 1:Kiểm tra bài cũ</u> :</p> <p>-Kiểm tra bảng trừ 11 trừ đi một số.Và hỏi một kết quả một vài phép tính</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 2:</u> Giới thiệu phép trừ :</p> <p>31 - 5</p> <p>A/ <u>Nêu bài toán</u> : Có 31 que tính bớt đi 5 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính ?</p> <p>-Để biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm phép tính gì ?</p> <p>-Viết bảng : 31 – 5.</p> <p>B/ <u>Tìm kết quả?</u></p> <p>-31 que tính bớt đi 5 que tính còn bao nhiêu que ?</p> <p>-Em làm như thế nào ?</p> <p>-Vậy 31 – 5 = ? Giáo viên ghi bảng : 31 – 5 = 26.</p> <p>-<u>Hướng dẫn</u>:Em lấy ra 3 bó chục và 1 que rời.</p> <p>-Muốn bớt 5 que tính ta bớt 1 que tính rời.</p> <p>-Còn phải bớt mấy que nữa ?</p> <p>-Để bớt được 4 que tính ta phải tháo 1 bó thành 10 que rồi bớt thì còn lại 6 que.</p>	<p>-3 em HTL và trả lời.</p> <p>-Nghe và phân tích</p> <p>-Phép trừ 31 – 5.</p> <p>-Thao tác trên que tính.</p> <p>-31 que tính bớt đi 5 que còn 26 que.</p> <p>-1 em nêu : Bớt 1 que tính rời. Lấy bó 1 chục que tính tháo ra bớt tiếp 4 que tính, còn lại 2 bó que và 6 que là 26 que tính. (hoặc em khác nêu cách khác).</p> <p>- Vậy 31 – 5 = 26.</p> <p>-Cầm tay và nói : có 31 que tính.</p> <p>-Bớt 1 que rời.</p> <p>-Bớt 4 que nữa . Vì 4 + 1 = 5.</p> <p>-Tháo 1 bó và tiếp tục bớt 4 que.</p> <p>- Là 26 que.</p> <p>-Nghe và nhắc lại.</p>

-2 bó rời và 6 que là bao nhiêu ?

C/ Đặt tính và tính :

-Đặt tính :Viết 31 rồi viết 5 xuống dưới thẳng cột với 1, viết dấu + và kẻ gạch ngang.

-Đặt tính :

$$\begin{array}{r} 31 \\ - 5 \\ \hline 26 \end{array}$$

- Tính: 1 không trừ được 5, lấy 11 trừ 5 bằng 6 viết 6, nhớ 1, 3 trừ 1 bằng 2, viết 2.

-GV nói tiếp : Tính từ phải sang trái :Mượn 1 chục ở hàng chục, 1 chục là 10, 10 với 1 là 11, 11 trừ 5 bằng 6, viết 6, 3 chục cho mượn 1, hay 3 trừ 1 là 2, viết 2.

Hoạt động 3: Luyện tập.

Bài 1

-Yêu cầu 2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.

Nhận xét.

Bài 2 :

-Muốn tìm hiệu ta làm thế nào ?

Nhận xét.

-2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.

$$\begin{array}{r} 51 \\ - 8 \\ \hline 43 \end{array} \quad \begin{array}{r} 41 \\ - 3 \\ \hline 38 \end{array} \quad \begin{array}{r} 61 \\ - 7 \\ \hline 54 \end{array} \quad \begin{array}{r} 31 \\ - 9 \\ \hline 22 \end{array} \quad \begin{array}{r} 81 \\ - 2 \\ \hline 79 \end{array}$$

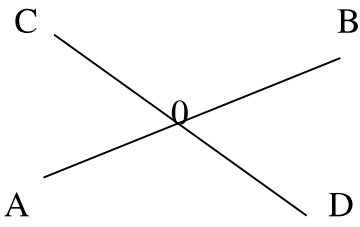
$$\begin{array}{r} 21 \\ - 1 \\ \hline 17 \end{array} \quad \begin{array}{r} 71 \\ - 6 \\ \hline 65 \end{array} \quad \begin{array}{r} 11 \\ - 8 \\ \hline 3 \end{array} \quad \begin{array}{r} 41 \\ - 5 \\ \hline 36 \end{array} \quad \begin{array}{r} 91 \\ - 9 \\ \hline 82 \end{array}$$

-Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

$$a, \begin{array}{r} 51 \\ - 4 \\ \hline 47 \end{array} \quad b, \begin{array}{r} 21 \\ - 6 \\ \hline 15 \end{array} \quad c, \begin{array}{r} 71 \\ - 8 \\ \hline 63 \end{array}$$

- HS trả lời

-Làm bài.

<p><u>Bài 3:</u> Yêu cầu gì ?</p> <p><u>Tóm tắt</u></p> <p>Có : 51 quả trứng. Lấy đi : 6 quả trứng. Còn lại ... quả trứng?</p> <p>-Nhận xét</p> <p><u>Bài 4:</u></p>  <p>-Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm nào ?</p> <p>-Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 4:Củng cố :</u></p> <p>-Nêu cách đặt tính và thực hiện : $31 - 5$?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p><u>Bài giải.</u></p> <p>Số quả trứng còn lại là”:</p> $51 - 6 = 45 \text{ (quả trứng)}$ <p><u>Đáp số :</u> 45 quả trứng.</p> <p>-Đoạn thẳng AB cắt đoạn thẳng CD tại điểm O.</p> <p>-1 em nêu.</p>
--	---

Tiết 50: **51 - 15**

I/ MUC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Biết thực hiện phép trừ có nhớ trong phạm vi 100, dạng 31- 5.
- Vẽ được hình tam giác theo mẫu (vẽ trên giấy kẻ ô li).

2.Kĩ năng : Rèn kĩ năng đặt tính nhanh, giải toán đúng.

3.Thái độ : Phát triển tư duy toán học.

II/ CHUẨN BỊ :

1.Giáo viên : 5 bó 1 chục que tính và 1 que rời.

2.Học sinh : Sách toán, vở ghi bài, bảng con, nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p><u>Hoạt động 1 : KT bài cũ :</u> -Gọi 2 em đọc thuộc lòng bảng công thức 11 trừ đi một số và trả lời một vài phép tính trong bảng. -Nhận xét.</p> <p><u>Hoạt động 2 :Phép trừ 51 – 15:</u> <i>A/ <u>Nêu bài toán</u> :</i> Có 51 que tính, bớt 15 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính ? -Muốn biết còn lại bao nhiêu que tính ta làm như thế nào ? <i>B/ <u>Tìm kết quả.</u></i> -Yêu cầu HS sử dụng que tính tìm kết quả.</p> <p><u>Gợi ý :</u> -51 que tính bớt 15 que tính còn mấy que tính ? -Em làm như thế nào ? Chúng ta phải bớt mấy que ? -15 que gồm mấy chục và mấy que tính ? -Để bớt được 15 que tính trước hết chúng ta bớt đi 1 que tính rồi (của 51 que tính), rồi lấy 1 bó 1 chục tháo ra được 10 que tính rồi, bớt tiếp 4 que tính nữa, còn 6 que tính (lúc này còn 4 bó 1 chục và 6 que tính rồi). Để bớt tiếp 1 chục que tính, ta lấy tiếp 1 bó 1 chục que tính nữa. Như thế đã lấy đi 1 bó 1 chục rồi lấy tiếp 1 bó 1 chục nữa, tức là đã lấy đi “1 thêm 1 bằng 2 bó 1 chục” 5 bó 1 chục bớt đi 2 bó 1 chục còn 3 bó 1 chục tức là còn 3 chục que tính. Cuối cùng còn lại 3 chục que tính và 6 que tính rồi tức là còn 36 que tính. Vậy $51 - 15 = 36$ <i>C/ <u>Đặt tính và tính:</u></i> - 51</p>	<p>-2 em HTL và trả lời.</p> <p>-Nghe và phân tích.</p> <p>-Thực hiện phép trừ $51 - 15$.</p> <p>-Thao tác trên que tính. -Lấy que tính và nói có 51 que tính. -Còn 36 que tính.</p> <p>-Bớt 15 que tính.</p> <p>-Gồm 1 chục và 5 que tính rồi.</p> <p>-Vậy $51 - 15 = 36$. -Nhiều em nhắc lại.</p>

15

36

- Viết 51 rồi viết 15 xuống dưới sao cho 5 thẳng cột với 1. Viết dấu – và kẻ gạch ngang.

-Thực hiện phép tính từ phải sang trái :1 không trừ được 5, lấy 11 – 5 = 6, viết 6 nhớ 1, 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3 viết 3. Vậy $51 - 15 = 36$.

Hoạt động 2 : Làm bài tập.

Bài 1:

- Yêu cầu HS tự làm bài.

-Gọi 2 em lên bảng làm

- Yêu cầu 2 HS lên bảng nêu cách tính

$81 - 46$ $41 - 12$.

-Nhận xét

Bài 2: Yêu cầu HS xác định đề toán

-Muốn tìm hiệu em làm thế nào ?

-Yêu cầu 2 em lên bảng làm. Lớp làm vở

-Giáo viên chính xác lại kết quả.

Nhận xét.

Bài 3.

- Giáo viên nhận xét ,khen ngợi HS làm

-HS tự làm bài.

-2 em lên bảng làm

$$\begin{array}{r} 81 \\ - 46 \\ \hline 35 \end{array} \quad \begin{array}{r} 31 \\ - 17 \\ \hline 14 \end{array} \quad \begin{array}{r} 51 \\ - 19 \\ \hline 32 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 41 \\ - 12 \\ \hline 29 \end{array} \quad \begin{array}{r} 71 \\ - 26 \\ \hline 45 \end{array} \quad \begin{array}{r} 61 \\ - 34 \\ \hline 27 \end{array}$$

-HS lên bảng nêu cách tính

- Đặt tính rồi tính.

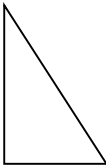
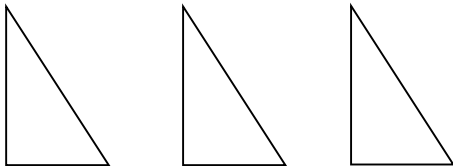
-Lấy số bị trừ trừ đi số trừ.

-2 em lên bảng làm. Lớp làm vở.

$$a, \begin{array}{r} 81 \\ - 44 \\ \hline 37 \end{array} \quad b, \begin{array}{r} 51 \\ - 25 \\ \hline 26 \end{array}$$

-HS làm bài.

$a, x = 4; \quad b, x = 43; \quad c, x = 42$

<p>đúng</p> <p>Bài 4: Giáo viên vẽ hình.</p>  <p>-Mẫu vẽ hình gì ? -Muốn vẽ hình tam giác ta phải nối mấy điểm với nhau ? -Yêu cầu cả lớp vẽ hình.</p> <p>Nhận xét.</p> <p>Hoạt động 3 :Củng cố:</p> <p>-Nêu cách đặt tính và thực hiện 51 - 15 -Nhận xét tiết học. -Tuyên dương, nhắc nhở.</p>	<p>- Hình tam giác. -Nối 3 điểm với nhau.</p> <p>-Cả lớp vẽ hình.</p>  <p>-HS nêu</p>
--	---

TUẦN 11

TIẾT 51: LUYỆN TẬP

I/ MỤC TIÊU :

1.Kiến thức :

- Học thuộc bảng 11 trừ đi một số.
- Thực hiện được phép trừ dạng 51 – 15.
- Tìm số hạng của một tổng.
- Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 51 – 5.

2.**Kĩ năng** : Rèn tính đúng, chính xác các dạng toán tìm số hạng trong một tổng.

3.**Thái độ** : Phát triển tư duy toán học.

III/ **CHUẨN BỊ** :1. Giáo viên : Hình vẽ bài 1.

2. Học sinh : Sách, vở ghi bài, nháp, bảng con.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
------------------	-------------------

Hoạt động 1: Làm bài tập.

Bài 1: *Nêu nhanh công thức trừ có nhớ đã học.*

-Nhận xét.

Bài 2: *Yêu cầu gì ?*

-Khi đặt tính phải chú ý điều gì ?

-Gọi 2 em lên bảng làm. Lớp làm bảng vở.

-Nhận xét .

Bài 3(a) : *Muốn tìm một số hạng trong một tổng em làm sao ?*

-Nhận xét.

Bài 4 :

-Gọi 1 em đọc đề.

-Bài toán cho biết gì ?

-Bài toán hỏi gì ?

Tóm tắt:

Có : 51 kg

Bán đi : 26 kg.

Còn lại : ... kg?

-Nhẩm và ghi ngay kết quả.

-Làm bài.

$$11 - 2 = 9 \qquad 11 - 4 = 7$$

$$11 - 3 = 8 \qquad 11 - 5 = 6$$

$$11 - 6 = 5 \qquad 11 - 8 = 3$$

$$11 - 7 = 4 \qquad 11 - 9 = 2$$

-Đặt tính rồi tính.

-Phải chú ý sao cho đơn vị viết thẳng cột với đơn vị, chục thẳng cột với chục.

-2 em lên bảng làm. Lớp làm bảng vở.

$$\begin{array}{r} \text{a,} \quad 41 \\ - \quad 25 \\ \hline 16 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 51 \\ - \quad 35 \\ \hline 16 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b,} \quad 71 \\ - \quad 9 \\ \hline 62 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 38 \\ + \quad 47 \\ \hline 85 \end{array}$$

-Lấy tổng trừ đi một số hạng.

-Làm vở.

$$\text{a, } x + 18 = 61$$

$$x = 61 - 18$$

$$x = 33$$

- HS làm bài các phần còn lại

-1 em đọc đề.

Bài giải:

Số kg táo còn lại là :

<p>-Nhận xét.</p> <p>Hoạt động 2:Củng cố:</p> <p>- Muốn tìm một số hạng trong một tổng ta làm ntn?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>$51 - 26 = 25$ (kg táo)</p> <p><u>Đáp số</u> : 25 kg táo.</p> <p>- HS trả lời</p>
---	---

TIẾT 52: 12 TRỪ ĐI MỘT SỐ: 12 – 8

I/ MỤC TIÊU :

1. Kiến thức :Giúp học sinh :
 - Biết cách thực hiện phép trừ dạng 12 – 8, lập được bảng 12 trừ đi một số.
 - Biết giải bài toán có một phép trừ dạng 12 -8.
2. Kĩ năng : Rèn làm tính nhanh, giải toán đúng chính xác.
3. Thái độ : Phát triển tư duy toán học cho học sinh.

II/ CHUẨN BỊ :

1. Giáo viên : 1 bó1 chục que tính và 2 que rời.
2. Học sinh : Sách, vở ghi bài, bảng con, nháp.

III/ CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS.
<p>Hoạt động 1: Giới thiệu phép trừ 12 - 8</p> <p>a/ <u>Nêu vấn đề</u> :Có 12 que tính, bớt đi 8 que tính.Hỏi còn lại bao nhiêu</p>	<p>-Nghe và phân tích đề toán.</p>